

Số: 277.1/QĐ-UBND

Cộng hòa, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018 của UBND xã Cộng Hòa – Thành Phố Cẩm Phả

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2016 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với cấp ngân sách;

Căn cứ nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/7/2019 của hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 9, khóa 20, nhiệm kỳ 2016-2020 về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Cộng Hòa năm 2018;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 xã Cộng Hòa (Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) văn phòng HĐND, UBND xã, tài chính xã và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận

- UBND Thành phố (BC)
- Phòng tài chính kế hoạch TP (BC)
- Đảng ủy xã (BC)
- HĐND xã (BC)
- Các đoàn thể xã
- Tài chính xã (TH)
- Các trưởng thôn (thực hiện)
- Lưu VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



HÀ VĂN CÔNG

UBND XÃ CÔNG HÒA



Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1,000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	9.112.603.456	TỔNG SỐ CHI	8.914.794.450
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	80.335.716	I. Chi đầu tư phát triển	1.196.494.320
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	90.996.107	II. Chi thường xuyên	7.718.300.130
III. Thu bổ sung	8.644.618.100	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối	5.728.233.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.916.385.100		
IV. Thu chuyển nguồn	137.222.343		
V. Thu kết dư	159.431.190		
Kết dư ngân sách	197.809.006		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1,000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	8.130.286.533	7.185.486.533	10.095.936.886	9.112.603.456	124,177	126,820
I	Các khoản thu 100%	70.000.000	70.000.000	80.348.706	80.335.716	114,784	114,765
	Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	53.833.000	53.833.000	107,666	107,666
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	20.000.000	20.000.000	26.515.706	26.502.716	132,579	132,514
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.000.200.000	55.400.000	1.074.316.547	90.996.107	107,410	164,253
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	20.360.547	20.360.547	127,253	127,253
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.200.000	1.200.000	5.350.000	5.350.000	445,833	445,833
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	20.000.000	20.000.000	23.424.000	23.424.000	117,120	117,120
	- Thuế GTGT	10.000.000	5.200.000	10.266.000	5.338.320	102,660	102,660
	- Thuế TNCN	25.000.000	13.000.000	70.237.000	36.523.240	280,948	280,948
	- Thu cấp quyền sử dụng đất	928.000.000		944.679.000		101,797	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	137.222.343	137.222.343	137.222.343	137.222.343	100,000	100,000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	159.431.190	159.431.190	159.431.190	159.431.190	100,000	100,000
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.763.433.000	6.763.433.000	8.644.618.100	8.644.618.100	127,814	127,814
	- Thu bổ sung cân đối	5.728.233.000	5.728.233.000	5.728.233.000	5.728.233.000	100,000	100,000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.035.200.000	1.035.200.000	2.916.385.100	2.916.385.100	281,722	281,722

[illegible]

